

Số: 86/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 85/2026/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị T**, sinh năm 1986. (CCCD: 062186003621)

- Bị đơn: Anh **Tạ Hoàng T1**, sinh năm 1993. (CCCD: 062093006128)

Cùng địa chỉ: **C Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144; Khoản 3 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **21 tháng 4 năm 2026** là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Dương Thị T** và anh **Tạ Hoàng T1**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Chị **Dương Thị T** và anh **Tạ Hoàng T1** thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Con chung: Giao 01 con **Tạ Dương Minh T2**, sinh ngày 12/9/2020 cho chị **Dương Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh **Tạ Hoàng T1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Tạ Hoàng T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, chị **T** thỏa thuận nhận chịu toàn bộ, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 chị **T** đã nộp theo biên lai số 0001410 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị **T** được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) từ biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- UBND xã Iachim, Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ HOA NHƯ

Số: 52/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 52/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Q**, sinh năm 1993 (CCCD: 049193010293)
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Mạnh Đ**, sinh năm 1990 (CCCD: 026090012604)

Cùng địa chỉ: **4 D, phường K, Quảng Ngãi.**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144; Khoản 3 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **12 tháng 3 năm 2026** là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị Q** và anh **Nguyễn Mạnh Đ**.
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Q** và anh **Nguyễn Mạnh Đ** thuận tình ly hôn.
 - Con chung: Đương sự thỏa thuận giao 02 con chung **Nguyễn Lê Khánh H**, sinh ngày 16/7/2016 và **Nguyễn Khánh H1**, sinh ngày 10/8/2023 cho anh **Đ** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung, và anh **Đ** không yêu cầu chị **Q** cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng.

Chị **Lê Thị Q** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, chị **Q** thỏa thuận nhận chịu toàn bộ, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 chị **Q** đã nộp theo biên lai số 0000819 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị **Q** được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) từ biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- UBND xã Thu Bồn, Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Số: 15/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 244/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hiếu T3, sinh năm 1992

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: A V, phường K, Quảng Ngãi (cũ phường T).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144; Khoản 3 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hiếu T3 và anh Nguyễn Văn T4.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hiếu T3 và anh Nguyễn Văn T4 thuận tình ly hôn.

- Con chung: 02 con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 13/11/2017 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 20/10/2019. Thỏa thuận giao các cháu Thảo N và cháu Trường G cho chị T3 là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con chung đến

khi các con đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Chị T3 không yêu cầu anh T4 cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Anh Nguyễn Văn T4 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, chị T3 thỏa thuận nhận chịu toàn bộ, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 chị T3 đã nộp theo biên lai số 0002995 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị T3 được nhận số tiền 150.000 đồng từ biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- UBND phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Số: 34/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T5, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn F, xã D, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Trần Minh P, sinh năm 1991, đ/c: 160/15 L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144; Khoản 3 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2025 là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T5 và anh Trần Minh P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T5 và anh Trần Minh P thuận tình ly hôn.

- Con chung: Các đương sự thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung là Trần Đức P1, sinh ngày 10/02/2018. Thỏa thuận giao cháu P1 cho anh P trực tiếp

chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Chị **T5** cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng là từ ngày 01/8/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày anh **P** có đơn thi hành án, nếu chị **T5** không chu cấp tiền cấp dưỡng thì phải chịu tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền, các đương sự thỏa thuận lãi suất chậm trả áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị **Nguyễn Thị Thanh T5** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng, chị **T5** thỏa thuận nhận chịu toàn bộ, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 chị **T5** đã nộp theo biên lai số 0000266 ngày 22/7/2025 của Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- UBND phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

